

Chủ nhiệm chương trình 58A:

PTS. Nguyễn An Lương

Viện trưởng Viện nghiên cứu KHKT
Bảo hộ lao động.

Ban chủ nhiệm đề tài:

+ Chủ nhiệm đề tài:

PTS/KK Nguyễn Văn Hoài

Viện phó Viện nghiên cứu KHKT
Bảo hộ lao động.

+ Phó chủ nhiệm đề tài:

- BSII Vũ Quang Huy

Viện nghiên cứu KHKT Bảo hộ lao động.

- BSII Phạm Đức Thủy

Viện giám định y khoa Bộ y tế .

+ Thư ký đề tài:

- KS. Đoàn Duy Hoàng

Viện nghiên cứu KHKT Bảo hộ lao động

+ Các ủy viên :

- BS Nguyễn Ngọc Nga

Viện phó Viện y học lao động Bộ y tế

- KS Trần Thị Hồng

Phó ban nữ công -TLLĐ Việt nam.

- BS. Nguyễn Đức Trọng

Viện nghiên cứu KHKT Bảo hộ lao động .

Các cán bộ phối hợp nghiên cứu

- + Bộ lao động thường binh và xã hội
KS. Nguyễn thị Thu Trang
Vụ trưởng Vụ chính sách và xã hội
- + Viện Y học lao động Bộ y tế :
PTS. Y học Phạm Quý Soạn
PTS. Y học Từ Hữu Thiêm
KS. Lê Gia Hải
KS. Vũ Bích Hoạt
KS. Phạm Ngọc Quỳnh
BS. Trần thị Liên
BS. Trần Ngọc Hưng
và cộng tác viên
- + Trung tâm y học lao động Bộ công nghiệp nhẹ :
BS. Nguyễn Huy Thiệp
Giám đốc trung tâm y học lao động Bộ công
nghiệp nhẹ
BS. Nguyễn Văn Huỳnh
BS. Ninh Bích Hạnh
DS. Nguyễn Tuyết Mai
- + Trung tâm y học lao động Tổng cục Hoá chất :
BS. Trần Huy Hoàng
Giám đốc Trung tâm y học lao động
Tổng cục hoá chất
BS. Vi thị Thụ
và cộng tác viên
- + Trung tâm y học Bộ giao thông vận tải :
BS. Nguyễn thị Thiện
BS. Vũ thị Cảnh Sinh
và cộng tác viên

- + Trung tâm y học lao động đường sắt:
 - BS. Trương Toàn Khánh
 - BS. Trần Triệu Ứng
 - BS. Nguyễn Mỹ Thành
 - BS. Phan Hải Yến
 - BS. Ngô Mãi Hạnh
 - BS. Vũ Minh Hằng
- + Ban nữ công Tổng Liên đoàn Việt nam:
 - KS. Lê Thị Sương
- + Công đoàn ngành công nghiệp nhẹ:
 - KS. Trần Thị Lan chủ tịch công đoàn ngành Công nghiệp nhẹ.
- + Công đoàn ngành Hoá chất:
 - KS. Nguyễn Thị Thúy
- + Công đoàn ngành GTVT:
 - KS. Nguyễn thị Xuân Trưởng ban nữ công Công đoàn ngành.
- + Công đoàn ngành lâm nghiệp:
 - KS. Nguyễn thị Bạch Tuyết Ủy viên thường vụ Công đoàn ngành.
- + Viện nghiên cứu KHKT Bảo hộ lao động:

BS. Phan Thúy Yến	BS. Hoàng Diệu Dung
BS. Hoàng Thủy Giang	DS. Nguyễn Thị Gia
DS. Nguyễn Thị Vinh	KTV. Chu Thị Nội
	KTV. Ngô Ánh Tuyết

Ngày 25 tháng 1 năm 1990
 CHU NHIỆM ĐỀ TÀI

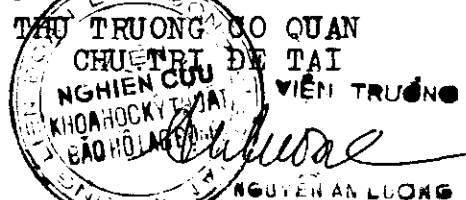
Nh. Hoài

Ngày 25 tháng 1 năm 1990
 CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
 DANH GIẢ CHÍNH THỨC

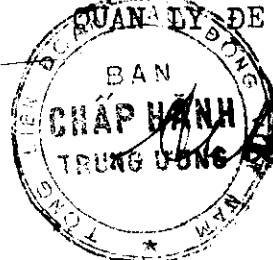
Nh. Hoài

Gs. Tô Nhữ Khuê

Ngày 25 tháng 1 năm 1990



Ngày 30 tháng 1 năm 1990
 THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
 QUẢN LÝ ĐỀ TÀI



NGUYỄN AN LƯƠNG

I. MỞ ĐẦU :

Dân số ta hiện nay có trên 66 triệu, trên 1/2 là nữ. Số người đang tuổi lao động tới gần 34 triệu, trong đó nữ chiếm 18 triệu tỷ lệ 53,34%. Đó là lực lượng lao động lớn, đã sản xuất ra nhiều của cải cho xã hội, ít nhất cũng gần một nửa số của cải đó.

Phụ nữ tham gia trong hầu hết các lĩnh vực kinh tế xã hội. Chắc chắn kể cả từ ngày dựng nước, thời Hai bà Trưng dân tộc ta có khoảng 1 triệu người, năm 1847 thời Tự Đức với số dân 7.771.000 người, năm 1945 với số dân 23 triệu người, năm 1977 với số dân 50 triệu và hiện nay là hơn 66 triệu người. Những chặng lịch sử đó chắc cũng xấp xỉ 1/2 số dân là nữ. Trong những thời kỳ phong kiến phụ nữ chủ yếu làm nội trợ và nông nghiệp. Ngày nay đã khác. Đặc biệt sau cách mạng tháng 8/45. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Nói phụ nữ là nói 1/2 xã hội, nếu không giải phóng phụ nữ là không giải phóng 1/2 loài người...". Ngày nay phụ nữ tham gia vào hầu hết các ngành kinh tế xã hội quốc dân: Với tỷ trọng, 52,34% lực lượng lao động.

- Trong sản xuất nông nghiệp lao động nữ chiếm 72%. Đặc biệt trong những năm chống Mỹ cứu nước lao động nữ chiếm 92%. Trong sản xuất công nghiệp lao động nữ chiếm 10,7%. Với 10,7% song lại có vị trí đặc biệt vì những điều kiện lao động khác nghiệt. Trong ngành giáo dục nữ chiếm 6%, ngành y tế nữ chiếm 64,85% riêng y tá nữ chiếm 91,5%. Ngành dệt nữ chiếm 74%, ngành may nữ chiếm 89%, ngành thương nghiệp nữ chiếm 58% và ngành nuôi dạy trẻ nữ chiếm 100%.

- Về cán bộ khoa học kỹ thuật: lao động kỹ thuật nữ chiếm 43,40%, nữ cán bộ giảng dạy đại học 26,6%. Trên đại học 21,26% thực tế lực lượng lao động nữ hoạt động trong những lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học kỹ thuật đã có những đóng góp đáng kể.

- Trong công tác nội trợ gia đình lực lượng lao động nữ đóng góp phần quan trọng trong mỗi gia đình, công việc chợ búa nữ chiếm 82%, com nước 69%, giặt dũ 69,5% , tắm rửa cho con 92,4% và chèn nuôi 50%. Hầu hết những công việc trông nom gia đình do phụ nữ đảm nhiệm.

- Đặc biệt là chức năng sinh đẻ và nuôi con. Tuổi hành kinh thường từ 12 tuổi đến 40 tuổi mỗi tháng những ngày hành kinh ,chức năng sinh lý nữ có những biến đổi về tình cảm và sức khoẻ. Gây ảnh hưởng đến mọi lĩnh vực hoạt động. Đặc biệt tuổi từ 25 - 35 là tuổi biến động nhiều đó là tuổi xây dựng gia đình và sinh con , nuôi con. Có rất nhiều trở ngại cho nữ trong công tác sản xuất và nghiên cứu .v.v..

- Một lĩnh vực nữa ai cũng biết đó là tổ chức cơ thể của phụ nữ , phụ nữ thường có những chỉ tiêu giải phẫu sinh lý kém nam giới. Trung bình chiều cao nữ 150,9 (nam 160,8) cân nặng $45 \pm 4,5$ (nam 50 ± 4)

Vòng ngực 74 ± 4 (nam 78 ± 5) dung tích sống $2,6 \pm 0,36$ (nam $3,9 \pm 0,48$). Lực cơ thân 58, + 12,6

(nam $93,5 \pm 16,5$) lực cơ tay $22,5 \pm 4,8$)

(nam $34, \pm 6,6$) tần số nhịp tim 75 - 85 (nam 70- 80)

Thể tích máu $61 \pm 7,5$ (nam $71,2 \pm 6$)

Hồng cầu $3,8 \pm 0,16$ (Nam $42 \pm 0,21$) .Huyết sắc tố

$13,2 \pm 0,5$ (nam $14,61 \pm 0,6$). Qua những đặc điểm hình

thái sinh lý trên nói chung sức khoẻ thể lực của nữ có phần hạn chế hơn nam giới. Nếu nghiên cứu về hình thái thần kinh tâm lý, y học còn khẳng định rằng phụ nữ thuộc thần kinh yếu hơn nam giới .

Do những đặc điểm về hình thái cơ thể sinh lý tâm lý đó nên việc bố trí xử dụng lao động có nhiều điểm

cần phải được quan tâm.

Thêm vào đó, do điều kiện lao động hiện nay còn có nhiều yếu tố độc hại về vi khí hậu, bụi tiếng ồn và rung động, hoá chất độc, chất phóng xạ. Những yếu tố sinh học và những yếu tố độc hại khác ảnh hưởng tới sức khoẻ người lao động nói chung và nữ lao động nói riêng .

Kỹ công nhân nhiều ngành sản xuất sức khoẻ đã bị giảm, nhiều nữ công nhân phải về hưu trước tuổi, nghỉ mất sức... Sức khoẻ nữ lao động bị giảm sút còn ảnh hưởng nhiều tới chức năng sinh đẻ nuôi con. Đó là cả một vấn đề lớn của thế hệ mai sau.

Tất cả những điểm trên đây đó chính là những lý do để tiến hành nghiên cứu đề tài khoa học này.

II. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU:

Như những lý do nêu trên để nghiên cứu về lao động nữ, ^{có nhiều hình thức} song với khuôn khổ của đề tài, Đề tài không thể nghiên cứu toàn bộ vấn đề lao động nữ như nghiên cứu về sinh học, về xã hội học. Vấn đề nuôi dưỡng, vấn đề đào tạo, vấn đề xử dụng lao động, vấn đề phân bố lao động nữ, lại càng không thể nghiên cứu cho tất cả các ngành nghề của lao động nữ .

Vì vậy với khuôn khổ của đề tài này, mục tiêu của đề tài được khu trú trong phạm vi , như đầu đề của đề tài đã thể hiện.

1/ Nắm được một cách hệ thống điều kiện lao động (chủ yếu là các thông số về môi trường lao động, của nữ công nhân trong một số ngành nghề.

2/ Nêu được những đặc điểm tâm sinh lý (vấn đề trước đây ít quan tâm) và tình hình sức khoẻ, mô hình

bệnh tật của lao động nữ trong những ngành nghề đã nghiên cứu.

3/ Từ đó đối chiếu với nghiên cứu đề xuất những biện pháp y sinh học và kiến nghị áp dụng một số giải pháp kỹ thuật vệ sinh để nhằm góp phần cải thiện điều kiện lao động, giảm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp trong công nhân nữ ở một số nghề nặng nhọc độc hại. Những chế độ chính sách đối với lao động nữ.

III. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU NGOÀI NƯỚC

VÀ TRONG NƯỚC:

Ở nước ngoài. Do điều kiện kinh tế phát triển, điều kiện lao động tương đối tốt, tuy nhiên vẫn đề nghiên cứu về lao động nói chung và lao động nữ nói riêng cũng được nghiên cứu sớm. Ở Liên xô nghiên cứu về lao động nữ đã được đặt ra rất sớm, các đề tài đã góp phần bổ sung về chế độ chính sách đối với nữ công nhân, kiến nghị áp dụng một số giải pháp kỹ thuật, các biện pháp y học nhằm cải thiện điều kiện cho nữ công nhân. Như Kisêlêva: Nghiên cứu về sự tham gia của phụ nữ trong nền sản xuất xã hội. Novicốp nghiên cứu về phụ nữ lao động và gia đình. Chaianốp RA nghiên cứu về tiến bộ KHKT và lao động nữ. Mirôđốp nghiên cứu các vấn đề kinh tế xã hội và điều kiện lao động nữ trong công nghiệp. Cotlia nghiên cứu về nhân công nữ trong sản xuất. Viện Bảo hộ lao động Ivanovô nghiên cứu thiết kế các phương pháp tổng hợp về BHLĐ nữ trong công nghiệp may. Casparop nghiên cứu các cơ sở hợp lý hoá lao động nữ. Viện Ivanovo nghiên cứu điều kiện lao động nữ,

và kiến nghị biện pháp cải thiện. Ibragimova nghiên cứu ảnh hưởng của bụi bông trong ngành dệt về các bệnh phụ khoa. Silanchep nghiên cứu về vệ sinh lao động nữ trong ngành dệt. Viện Ivanovo nghiên cứu điều kiện lao động và đề xuất biện pháp giảm số lượng lao động nữ trong các công việc nặng nhọc độc hại trong ngành công nghiệp lạnh và nghiên cứu xử dụng lao động nữ mang thai nhện vào các công việc nhẹ, ít khốn trương trong ngành công nghiệp nhẹ v.v.v...

Ở trong nước chủ yếu là những công trình đượcnghiên cứu từ Viện y học lao động và một số trung tâm y tế thuộc các bộ các ngành. Đó là những nghiên cứu về biến đổi chỉ tiêu sinh lý của nữ công nhân dệt, nữ công nhân gặt than, nữ công nhân nông nghiệp, nữ công nhân làm ca kíp, nữ công nhân bưu điện, nữ ~~diễn viên~~ công nhân mùa, nữ công nhân nghệ thuật xiếc. Những đề tài trên đã là những đóng góp quý giá cho sự tìm hiểu về lao động nữ ở nước ta trong lĩnh vực y học.

Gần đây 1987 trung tâm nghiên cứu khoa học về phụ nữ được thành lập thuộc Viện khoa học xã hội Trung tâm đã tiến hành nghiên cứu chương trình: " Phụ nữ lao động và gia đình." Chương trình nghiên cứu chủ yếu về xã hội học. Những kết quả nghiên cứu củachương trình đã có ý nghĩa góp phần đưa ra những kiến nghị về phụ nữ Hoà Bình, bình đẳng và phát triển góp phần vào công ước xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ .

Và cũng đề tiến hành đề tài 58A.01.03 phòng vệ sinh lao động và ergonomi Viện nghiên cứu khoa học kỹ

thuật bảo hộ lao động cũng đã có đề tài tham dò về lao động nữ 84 - 85 .

IV. NỘI DUNG ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

NGHIÊN CỨU:

Nhằm mục tiêu để đề tài đã nêu , trong khuôn khổ của đề tài, trong buổi hội thảo bao gồm các ngành, các chuyên gia y học dưới sự chủ trì của PTS Nguyễn An Lương chủ nhiệm chương trình. Sau khi bàn bạc thảo luận , Hội nghị đã nhất trí đề tài tiến hành nghiên cứu trên 3 lĩnh vực: điều kiện lao động , đặc điểm tâm sinh lý và tình hình sức khoẻ bệnh tật của 6 đối tượng là: nữ công nhân ngành dệt, nữ công nhân đường sắt, nữ công nhân rải nhựa đường, nữ công nhân gõ rì tâu , nữ công nhân hoá chất, nữ công nhân lâm nghiệp , và nghiên cứu thực nghiệm về khả năng lao động của nữ công nhân trong buồng vi khí hậu nhân tạo.

Về phương pháp nghiên cứu:

Đề tài đã mở hội thảo khoa học về phương pháp nghiên cứu, tham dự gồm các cán bộ quản lý các chuyên gia và các cán bộ nghiên cứu về y sinh học tâm lý học, dưới sự chủ trì của PTS Nguyễn An Lương- Chủ nhiệm chương trình. Hội thảo đã đưa ra các chỉ tiêu về điều kiện lao động, các chỉ số sinh lý và bảng điều tra tâm lý học những quy định về chỉ tiêu xác định mô hình bệnh tật và phân loại sức khoẻ . Đồng thời hội thảo đã thảo luận về máy móc xử dụng và phương pháp tiến hành đo đạc thực nghiệm, thống nhất giữa các bộ nghiên cứu các ngành thuộc 6 đối tượng nêu trên. Tuy nhiên giữa các ngành lại có những đặc điểm khác nhau do đó có những bổ sung sao cho phù hợp với đối tượng nghiên cứu. Như với